



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN

Địa chỉ: Khu II, Phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn Thành phố Hải Phòng
Tel: (84-31) 38 61 225 Fax: (84-31) 38 61 186

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty, cho năm tài chính 2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Vũ Thị Thái Huyền	Chủ tịch
Ông Hà Kim Long	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Thành	Ủy viên
Ông Hoàng Gia Nhuệ	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Yên	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thành	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Quyết	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm theo QĐ số 76 - CPDLDS ngày 19/6/2014)
Bà Hoàng Thị Hà	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm theo QĐ số 03 - CPĐLS ngày 14/8/2014)
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm theo QĐ số 04 - CPĐLS ngày 14/8/2014)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý rằng hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN



Trần Văn Thành

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2015



Số: 26^B-15/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/01/2015, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Với những tài liệu mà Công ty cung cấp, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến nhận xét về khoản chi phí trả trước là khoản lãi chậm trả tiền bán cổ phần của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước được công ty ghi giảm trong kỳ tương ứng với khoản phải trả khác với giá trị là 509.299.906 đồng cũng như giá trị còn lại chưa được xử lý của khoản này với giá trị là 339.669.911 đồng đang được Công ty theo dõi trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn tương ứng các khoản phải trả, phải nộp khác. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về vấn đề nêu trên cũng như ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu hồi được thư xác nhận số dư công nợ phải trả người bán tại ngày 31/12/2014 với giá trị là 463.155.613 đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên, các thủ tục này cũng không đem lại cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm đưa ra ý kiến về số dư công nợ nêu trên tại ngày 31/12/2014.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn giữ năm (05) bản. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nghiêm Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1914-2013-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.623.565.641	2.828.439.632
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	830.628.570	1.026.212.487
1 Tiền	111		830.628.570	1.026.212.487
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.028.909.795	370.618.419
1 Phải thu khách hàng	131	VIII.3.1	1.026.951.250	347.723.975
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	352.423	15.220.144
5 Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.606.122	7.674.300
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		379.165.295	410.756.078
1 Hàng tồn kho	141	V.03	379.165.295	410.756.078
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		384.861.981	1.020.852.648
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VIII.3.3	373.987.981	980.852.648
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.4	10.874.000	40.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		19.122.821.041	20.861.459.956
II. Tài sản cố định	220		17.275.962.368	18.250.528.591
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	16.947.028.526	17.668.275.473
- Nguyên giá	222		49.316.483.823	47.736.781.083
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.369.455.297)	(30.068.505.610)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.05	328.933.842	582.253.118
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.846.858.673	2.610.931.365
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	1.846.858.673	2.610.931.365
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		21.746.386.682	23.689.899.588

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.476.081.595	7.415.794.742
I. Nợ ngắn hạn	310		3.438.099.777	7.172.224.897
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312	VIII.3.5	1.067.283.575	1.282.250.626
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.6	72.000.000	2.520.000.000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	894.989.710	918.970.329
5 Phải trả người lao động	315		408.024.285	436.325.637
6 Chi phí phải trả	316	V.08	22.500.000	38.827.655
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	730.440.649	1.577.677.211
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		242.861.558	398.173.439
II. Nợ dài hạn	330		37.981.818	243.569.845
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	VIII.3.7	37.981.818	243.569.845
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		18.270.305.087	16.274.104.846
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	18.270.305.087	16.274.104.846
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.098.000.000	8.098.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		5.388.969.821	4.487.170.821
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		833.236.906	682.936.906
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.950.098.360	3.005.997.119
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	440		21.746.386.682	23.689.899.588

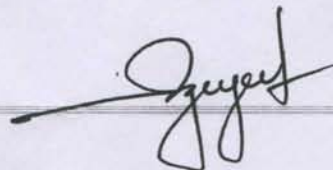
Hải Phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CP DU LỊCH ĐỒ SƠN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Đinh Thị Thủy

Nguyễn Văn Yên

Trần Văn Thành

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

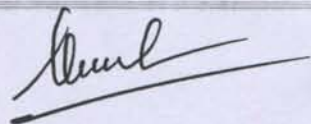
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.11	30,765.568.391	25.728.882.886
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		30.765.568.391	25.728.882.886
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.12	20.514.560.640	16.440.121.849
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.251.007.751	9.288.761.037
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.13	9.099.090	17.106.215
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.8	5.059.742.727	5.298.759.688
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		5.200.364.114	4.007.107.564
11 Thu nhập khác	31	VIII.3.9	1.637.965.966	1.666.331.300
12 Chi phí khác	32	VIII.3.10	1.729.927.661	1.623.201.850
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(91.961.695)	43.129.450
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		5.108.402.419	4.050.237.014
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.14.	1.158.304.059	1.044.239.895
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.950.098.360	3.005.997.119
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.15.	4.877,87	3.712,02

Hải Phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2015

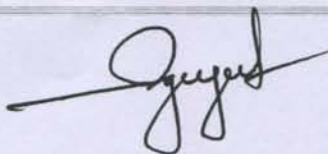
CÔNG TY CP DU LỊCH ĐỒ SƠN

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy



Nguyễn Văn Yên



Trần Văn Thành

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		31.111.512.275	30.900.153.924
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(16.482.818.685)	(12.292.794.078)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.302.340.290)	(6.218.650.729)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.172.785.270)	(1.466.168.117)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.833.400	60.300.170
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.356.079.437)	(6.782.465.947)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(192.678.007)	4.200.375.223
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(12.005.000)	(2.988.750.230)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	13.418.000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.099.090	17.106.215
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.905.910)	(2.958.226.015)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.619.600.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1.619.600.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(195.583.917)	(377.450.792)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.026.212.487	1.403.663.279
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	830.628.570	1.026.212.487

Hải Phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Yên



Trần Văn Thành

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Du lịch Đồ Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Khách sạn Du lịch Đồ Sơn, được cổ phần hóa theo Quyết định số 619/QĐ-TCĐL ngày 29/09/2005 của Tổng cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203005434 đăng ký lần đầu ngày 19/06/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203005434 đăng ký lần đầu ngày 19/06/2009 thì vốn điều lệ của Công ty là: **8.098.000.000 đồng** (Tám tỷ, không trăm chín mươi tám triệu đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực du lịch và cho thuê khách sạn.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tour du lịch và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động của các công viên-vui chơi và công viên theo chủ đề;;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Dịch vụ môi giới vận tải;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng khu du lịch sinh thái;
- Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá; Đại lý dịch vụ viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy./.

Trụ sở chính

Địa chỉ: Khu II, Phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng.
Tel: (84-31) 38 61 225 Fax: (84-31) 38 61 186

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp".

13
V
F
11
22.
IG
IEM
VVA
TN
Y-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán AD Soft.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chi tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Do không có phát sinh các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nên Công ty không phải chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam (VND).

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04 /2013 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(tiếp theo)*

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với TSCĐ hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
- Máy móc thiết bị	5 - 12
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ là các khoản chi phí công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ từ 1 năm đến 2 năm và lãi chậm trả tiền bán cổ phần cho Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản trích trước chi phí kiểm toán dựa trên hợp đồng và chi phí ăn ca.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi đã trừ đi nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống, cho thuê văn phòng, hội trường và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp thuận thanh toán, phù hợp với 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(tiếp theo)

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**10.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty đã tiến hành đối chiếu nhưng chưa đầy đủ số dư công nợ phải trả tới từng đối tượng.

10.2. Ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí sửa chữa khách sạn và nhà hàng được ghi nhận theo giá gốc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

10.3. Các nghĩa vụ về thuế**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành, với mức thuế suất áp dụng là 10% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.4. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận và tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	378.905.924	467.250.686
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	451.722.646	558.961.801
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	993.111	725.111
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồ Sơn	360.546.450	241.447.497
Ngân hàng TNHH Indovina	673.629	673.629
Ngân hàng Nông nghiệp và PT Nông thôn Việt Nam- CN Đồ Sơn	5.480.313	288.191.574
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền	41.708.110	23.141.272
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	42.321.033	4.782.718
Tổng cộng	830.628.570	1.026.212.487

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	1.441.122	7.674.300
Các khoản phải thu khác	165.000	-
Tổng cộng	1.606.122	7.674.300

3. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	188.375.502	159.422.852
Công cụ, dụng cụ	46.123.593	39.526.370
Hàng hóa	144.666.200	211.806.856
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	379.165.295	410.756.078

CÔNG TY CP DU LỊCH ĐỒ SƠN

Địa chỉ: Khu II, Phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng

Tel: (84-31) 38 61 225

Fax: (84-31) 38 61 186

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2014	42.557.412.381	1.842.507.332	853.496.854	2.483.364.516		47.736.781.083
Mua trong năm	-	-	-	362.498.166		362.498.166
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.217.204.574	-	-	-		1.217.204.574
Số dư ngày 31/12/2014	43.774.616.955	1.842.507.332	853.496.854	2.845.862.682		49.316.483.823
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2014	26.622.703.148	606.004.030	800.480.389	2.039.318.043		30.068.505.610
Khấu hao trong năm	2.027.530.929	131.103.246	-	142.315.512		2.300.949.687
Tăng khác do phân loại lại	94.551.421	-	16.011.452	-		110.562.873
Giảm khác do phân loại lại	-	(102.138.310)	-	(8.424.563)		(110.562.873)
Số dư ngày 31/12/2014	28.744.785.498	634.968.966	816.491.841	2.173.208.992		32.369.455.297
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	15.934.709.233	1.236.503.302	53.016.465	444.046.473		17.668.275.473
Tại ngày 31/12/2014	15.029.831.457	1.207.538.366	37.005.013	672.653.690		16.947.028.526

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.886.344.989 VND

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Khách sạn Hải Âu	46.323.112	36.374.054
Khu Biệt thự	20.000.000	-
Biệt thự Bảo Đại	58.183.478	8.848.035
Chi phí xây dựng cơ bản khác	204.427.252	537.031.029
Tổng cộng	328.933.842	582.253.118
6. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.846.858.673	2.610.931.365
Tổng cộng	1.846.858.673	2.610.931.365
7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	220.556.103	213.055.237
Thuế thu nhập doanh nghiệp	640.400.833	654.882.043
Thuế thu nhập cá nhân	34.032.774	31.918.568
Thuế khác	-	19.114.481
Tổng cộng	894.989.710	918.970.329
8. Chi phí phải trả	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	22.500.000	20.000.000
Hoàng Diệu Linh	-	18.827.655
Tổng cộng	22.500.000	38.827.655
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	30.581.126	21.376.233
Bảo hiểm xã hội	49.789.141	28.805.959
Bảo hiểm y tế	49.760.007	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Bảo hiểm thất nghiệp	48.775.973	-
Lãi chậm trả tiền bán cổ phần và cổ tức năm 2009, 2010 SCIC	500.000.000	1.205.432.062
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	18.830.667	272.110.667
Dư có TK 141	8.118.280	34.162.665
Dư có TK 1388	6.206.800	15.789.625
Phải trả khác	18.378.655	-
Tổng cộng	730.440.649	1.577.677.211

10. Vốn chủ sở hữu**10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2013	8.098.000.000	3.761.419.828	11.859.419.828
Lãi trong năm trước	-	3.005.997.119	3.005.997.119
Trích lập các quỹ	-	(2.141.819.828)	(2.141.819.828)
Chia cổ tức	-	(1.619.600.000)	(1.619.600.000)
Số dư ngày 31/12/2013	8.098.000.000	3.005.997.119	11.103.997.119
Lãi trong năm nay	-	3.950.098.360	3.950.098.360
Trích lập các quỹ	-	(1.548.357.119)	(1.548.357.119)
Chia cổ tức	-	(1.457.640.000)	(1.457.640.000)
Số dư ngày 31/12/2014	8.098.000.000	3.950.098.360	12.048.098.360

10.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	4.504.900.000	4.504.900.000
Phạm Công Hưng	470.000.000	470.000.000
Phan Thông	310.000.000	310.000.000
Hoàng Gia Nhuệ	113.000.000	133.000.000
Hà Kim Long	626.000.000	-
Hoàng Thị Tố Như	307.500.000	-
Nguyễn Văn Thành	301.900.000	301.900.000
Nguyễn Quốc Vinh	260.000.000	260.000.000
Ngô Quang Lâm	200.000.000	200.000.000
Đình Xuân Sơn	141.500.000	141.500.000
Các cổ đông khác	863.200.000	1.776.700.000
Tổng cộng	8.098.000.000	8.098.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

10.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.098.000.000	8.098.000.000
Vốn góp đầu năm	8.098.000.000	8.098.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	8.098.000.000	8.098.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.457.640.000	2.024.500.000

10.4 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

10.5 Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	809.800	809.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	809.800	809.800
- Cổ phiếu phổ thông	809.800	809.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	809.800	809.800
- Cổ phiếu phổ thông	809.800	809.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

10.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2014
Quỹ đầu tư phát triển	4.487.170.821	901.799.000	-	5.388.969.821
Quỹ dự phòng tài chính	682.936.906	150.300.000	-	833.236.906
Tổng cộng	5.170.107.727	1.052.099.000	-	6.222.206.727

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

(*) Mục đích trích lập, sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của Công ty được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ lợi nhuận sau thuế phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**11. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu Khách sạn Vạn Thông	1.260.070.002	1.094.274.546
Doanh thu Khách sạn Hải Âu	8.038.026.734	6.999.672.723
Doanh thu Khách sạn Hoa Phượng	3.034.626.367	2.310.149.997
Doanh thu Nhà hàng Biển Đông I	9.506.780.909	6.774.255.454
Doanh thu Biệt thự Bảo Đại	1.933.858.185	1.641.954.543
Doanh thu dịch vụ Lữ hành	87.772.726	90.554.546
Doanh thu dịch vụ cho thuê điếm	6.904.433.468	6.818.021.077
Tổng cộng	30.765.568.391	25.728.882.886

12. Giá vốn bán hàng

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn Khách sạn Vạn Thông	1.453.357.189	1.127.284.751
Giá vốn Khách sạn Hải Âu	5.499.492.952	4.601.254.599
Giá vốn Khách sạn Hoa Phượng	2.944.029.590	2.470.291.664
Giá vốn Nhà hàng Biển Đông I	8.049.891.032	5.911.076.712
Giá vốn Biệt thự Bảo Đại	1.723.614.364	1.559.497.464
Giá vốn dịch vụ cho thuê điếm	844.175.513	770.716.659
Tổng cộng	20.514.560.640	16.440.121.849

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.099.090	17.106.215
Tổng cộng	9.099.090	17.106.215

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	32.412.633.447	27.412.320.401
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	27.147.615.000	23.235.360.825
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.265.018.447	4.176.959.576
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.158.304.059	1.044.239.895

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.950.098.360	3.005.997.119
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.950.098.360	3.005.997.119
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	809.800	809.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.877,87	3.712,02

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Thu nhập Ban Giám đốc**

	Năm 2014 VND
Thu nhập Ban Giám đốc	361.946.922
Tổng cộng	361.946.922

3. Những thông tin khác**3.1 Phải thu khách hàng**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi nhánh Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội	59.040.000	32.320.000
Đoàn Ủy ban Dân số Kế hoạch hóa gia đình	-	86.470.000
Tổng cục dạy nghề	125.276.000	104.260.000
Phải thu tiền nước, điện các quán ngoài trời	22.897.250	15.873.975
Cục Bảo trợ Xã hội	37.000.000	-
Trung tâm vệ tinh quốc gia	280.080.000	-
Ủy ban Dân tộc	175.000.000	-
Đoàn Greer tour	84.150.000	-
Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn	46.677.000	-
Sở tài nguyên môi trường	12.890.000	-
Các đối tượng khác	183.941.000	108.800.000
Tổng cộng	1.026.951.250	347.723.975

3.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đỗ Văn Thuận	-	15.000.000
Siêu thị Metro	352.423	220.144
Tổng cộng	352.423	15.220.144

3.3 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	34.318.070	131.882.831
Lãi chậm trả tiền bán cổ phần cho SCIC	339.669.911	848.969.817
Tổng cộng	373.987.981	980.852.648

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

3.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	10.874.000	40.000.000
Mạnh Tiến Hùng	-	2.000.000
Vũ Văn Hà	-	2.000.000
Lê Thị Hồi	-	2.000.000
Nguyễn Khắc Quyết	-	3.000.000
Hoàng Thị Hà	-	31.000.000
Nguyễn Hồng Dương	10.000.000	-
Các đối tượng khác	874.000	-
Tổng cộng	10.874.000	40.000.000

3.5 Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyễn Mạnh Cường	-	6.702.850
Nguyễn Văn Trường	14.030.500	11.209.550
Đặng Trung Chi	41.261.000	41.261.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng	-	7.500.000
Công ty Thành Nam	330.215.351	330.215.351
Công ty Công trình công cộng	16.087.500	16.087.500
Công ty Hóa mỹ phẩm Lan Hương	41.437.000	-
Công ty Cấp nước Hải Phòng	35.914.500	28.721.250
Công ty TNHH Thương mại Nội thất Tuấn Anh	14.055.800	-
Công ty TNHH Long Huyền	28.082.818	-
Công ty TNHH Hàn Việt	-	77.855.300
Lương Duy	-	193.980.950
Nguyễn Thị Tuấn	24.850.000	45.100.000
Đoàn Văn Êm	51.127.250	49.047.000
Đình Đình Xuân	34.700.000	53.200.000
Đức Dương	80.278.850	-
Nguyễn Văn Thuận	79.193.700	101.364.700
Các đối tượng khác	276.049.306	320.005.175
Tổng cộng	1.067.283.575	1.282.250.626

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

3.6 Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhà hàng Sơn Thành	-	100.000.000
Đình Thị Phiêm	-	100.000.000
Hoàng Thị Sơn	-	190.000.000
Lê Thị Hôi	-	34.000.000
Bùi Hữu Quang - NN Anh Quang	-	130.000.000
Nhà hàng Duy Đệ	-	121.000.000
Nhà hàng Gió Biển	-	100.000.000
Nhà nghỉ Gia Long	-	240.000.000
Nguyễn Thị Hải	-	200.000.000
Công ty TNHH Thương mại Nhà hàng Hải Âu	-	468.000.000
Nhà hàng Phó Biển	-	176.000.000
Nhà hàng Thanh Thuý	-	187.000.000
Hoàng Thị Nga	72.000.000	-
Các đối tượng khác	-	474.000.000
Tổng cộng	72.000.000	2.520.000.000

3.7 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Doanh thu cho thuê điếm	37.981.818	243.569.845
Tổng cộng	37.981.818	243.569.845

3.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.131.746.403	1.862.251.451
Chi phí vật liệu quản lý	7.740.209	9.155.294
Chi phí đồ dùng văn phòng	166.851.969	222.997.242
Chi phí khấu hao TSCĐ	280.880.772	423.284.017
Thuế, phí và lệ phí	614.832.640	1.016.824.873
Chi phí bằng tiền khác	1.857.690.734	1.764.246.811
Tổng cộng	5.059.742.727	5.298.759.688

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

3.9 Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tiền điện nước cho thuê điếm	1.627.646.566	1.517.881.104
Thanh lý, đền bù tài sản	9.075.400	45.383.900
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	102.856.296
Thu nhập khác	1.244.000	210.000
Tổng cộng	1.637.965.966	1.666.331.300

3.10 Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tiền điện nước cho thuê điếm	1.626.402.569	1.516.879.288
Tiền phạt thuế	-	99.965.577
Tiền phạt chậm nộp BHXH	5.550.380	6.356.985
Chi phí khác	97.974.712	-
Tổng cộng	1.729.927.661	1.623.201.850

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty CP Du lịch Đồ Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

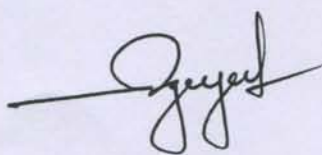
Hải Phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Yên

CÔNG TY CP DU LỊCH ĐỒ SƠN



Trần Văn Thành